

Bản án số: 458/2023/DSST

Ngày: 14/9/2023

V/v: *Tranh chấp chia thừa kế*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Vũ Toàn Giang

*Các Thẩm phán:* Ông Chu Tuấn Anh

Ông Mai Tiến Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Ninh Việt Hoàng – Thư ký TAND thành phố Hà Nội.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa:*

Bà Trịnh Thu Tân – Kiểm sát viên

Ngày 12 và 14/9/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 626/2022/TLPT-DS ngày 30/12/2022 về việc “*Tranh chấp chia thừa kế*”;

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DSST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân quận T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2021/QĐXX-ST ngày 26 tháng 11 năm 2021, giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:**

1.1. Ông Lê Văn H – sinh năm: 1960;

1.2. Ông Lê Văn D – sinh năm: 1966;

Cùng HKTT: Thôn T, xã C, huyện X, tỉnh H;

1.3. Bà Lê Thị H – sinh năm: 1973;

HKTT: Thôn X, xã C, huyện X, tỉnh H;

1.4. Bà Lê Thị H1 – sinh năm: 1964;

HKTT: Thôn N, xã C, huyện X, H

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Bà Trần Thị Thu H và bà Đặng Thị H1 (theo Giấy ủy quyền công chứng ngày 05/9/2018).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các đồng nguyên đơn ông Lê Văn H, bà Lê Thị H1, ông Lê Văn D và bà Lê Thị H là: Luật sư Hoàng Đức A – Công Luật ty TNHH I – có mặt

**2. Bị đơn: Bà Lê Thị N** – sinh ngày 04/8/1963.

HKTT: Số 505, đường Lạc Long Q, Tổ 21, cụm 3, phường X, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa)

**3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

3.1. Anh Lê Thành N – sinh năm: 1995;

HKTT: Số 505, đường Lạc Long Q, Tổ 21, cụm 3, phường X, quận T, thành phố Hà Nội (có mặt tại phiên tòa)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Lê Thị N và anh Lê Thành N là: Luật sư Nguyễn Văn L – Văn phòng Luật sư H – Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội;

3.2. Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội; Trụ sở: Số nhà 183, đường T, phường K, quận T, thành phố Hà Nội (có đơn xin xét xử vắng mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo hồ sơ vụ án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Về gia đình của ông Lê Hồng L: Ông L có bố là cụ Lê Văn Y (chết năm 1993) và mẹ là cụ Trịnh Thị N (chết năm 2004). Hai cụ có 05 (năm) người con gồm: Ông Lê Hồng L – sinh năm: 1956, chết năm 2016; Ông Lê Văn H – sinh năm: 1960; Bà Lê Thị H1 – sinh năm: 1964; Ông Lê Văn D – sinh năm: 1966 và bà Lê Thị H – sinh năm: 1973.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Hồng L và bà Lê Thị N đăng kí kết hôn vào ngày 23/9/1983 tại UBND xã X, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống, Ông L và bà N không có con đẻ, chỉ có con nuôi là anh Lê Thành N – sinh năm: 1995. Sau đó, Ông L và bà N đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân quận T theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 24/QĐTTLH ngày 11/6/2001 của TAND quận T. Nội dung quyết định thể hiện:

- Về tình cảm: Ông L và bà N thuận tình ly hôn
- Về con chung: Bà N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng con chung là anh Lê Thành N – sinh năm: 1995; Ông L cấp dưỡng nuôi con chung 100.000 đồng/tháng từ tháng 6/2001 cho đến khi anh Nam đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác
- Về tài sản và nhà ở: Về động sản: Không có gì, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về bất động sản: Đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa can thiệp.

Về di sản thừa kế của ông Lê Hồng L: Theo Quyết định nêu trên, Ông L và bà N có tài sản chung đã được ông bà tự thỏa thuận giải quyết. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế đối với tài sản chung của Ông L và bà N là diện tích 170,90m<sup>2</sup> đất trong phần diện tích khoảng 345,4m<sup>2</sup> mảnh đất tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội theo nội dung Bản di chúc của ông Lê Hồng L vào ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội.

Nguồn gốc của mảnh đất: Quá trình chung sống, Ông L và bà N được UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy sử dụng đất số 478/QĐ-UB ngày 26/4/1989 đối với phần diện tích 160m<sup>2</sup> để làm nhà ở. Quá trình sử dụng mảnh đất nói trên, Ông L và bà N mở rộng, tôn tạo thêm nên tổng diện tích ông L, bà N quản lý sử dụng là 545,12m<sup>2</sup>, được thể hiện tại Bản đồ năm 1994, tờ bản đồ số 19, thửa đất 08. Năm 2007, UBND quận T có phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư đối với mảnh đất nêu trên. Phần diện tích trong chỉ giới giải phóng mặt bằng (GPMB) là 200,08m<sup>2</sup>; phần diện tích ngoài chỉ giới GPMB là 345,04m<sup>2</sup> do hai vợ chồng cùng quản lý, sử dụng. Sau đó, Ông L và bà N đã thuê Công ty CP Tư vấn dịch vụ trắc địa và thương mại đo đạc tài sản chung là phần diện tích 345,04m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Ông L và bà N thỏa thuận phân chia Ông L được hưởng phần diện tích đất 170,9m<sup>2</sup> (theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 05/02/2010 và Sơ đồ thửa đất có xác nhận của bà Nguyệt).

Hiện nay, do Ông L đã chết nên phần toàn bộ phần diện tích 345,04m<sup>2</sup> ngoài chỉ giới GPMB đang được bà N quản lý, sử dụng.

Về di chúc của ông L : Trước khi chết, Ông L đã lập Bản di chúc của ông Lê Hồng L vào ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội. Nội dung bản di chúc thể hiện phần diện tích 170,9m<sup>2</sup> của Ông L được ông để lại và chia đều cho 04 (bốn) người em ruột là ông Lê Văn Duẩn, ông Lê Văn Hồng, bà Lê Thị H và bà Lê Thị Hoa.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Sau khi Ông L chết, các anh chị em ruột Ông L đã đến gặp bà N đề nghị thực hiện di chúc của Ông L nhưng bà N không đồng ý chia tài sản, sau đó sự việc đã được hòa giải tại UBND phường X nhưng không có kết quả. Nay nguyên đơn nghị Tòa án nhân dân quận T tuyên bố Bản di chúc của ông Lê Hồng L lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội là hợp pháp và cho nguyên đơn được hưởng phần di sản thừa kế do Ông L để lại. Các nguyên đơn đề nghị được nhận di sản thừa kế bằng hiện vật là mảnh đất có diện tích 170.9m<sup>2</sup>. Việc phân chia mảnh đất các nguyên đơn sẽ tự thỏa thuận sau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài di sản là nhà đất tại số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, nguyên đơn không đề nghị Tòa án chia di sản nào khác.

**Bị đơn là bà Lê Thị Nguyệt; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – anh Lê Thành N và người đại diện theo ủy quyền của bà N và anh Nam T trình bày ý kiến:**

Về gia đình của ông Lê Hồng L và quan hệ hôn nhân giữa Ông L và bà Nguyệt: Các đương sự đồng ý với ý kiến của nguyên đơn và không trình bày, bổ sung gì thêm.

Về nguồn gốc mảnh đất tại địa chỉ Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội gồm:

- Phần đất do UBND huyện Từ Liêm cấp 160m<sup>2</sup> diện tích đất cho bà Lê Thị N theo Giấy sử dụng đất số 478/QĐ-UB ngày 26/4/1989. Mục đích sử dụng để làm nhà ở.

- Phần đất do Hợp tác xã nông nghiệp cấp cho xã viên là bà Lê Thị Nguyệt, thể hiện trong sổ bộ thuế nông nghiệp, diện tích 240m<sup>2</sup>.

- Quá trình sử dụng, bà N có mua lại của bà Lê Tuyết Thanh (là chị gái của bà Nguyệt) diện tích đất khoảng 170m<sup>2</sup> là thửa đất đằng sau thửa đất được cấp (trước đây bà N đứng ra mua hộ bà Thanh từ bà Nguyễn Thị Xạ diện tích đất 170m<sup>2</sup>).

Năm 2007, UBND quận T thực hiện giải phóng mặt bằng dự án nâng cấp, cải tạo mở rộng đường Lạc Long Q. Theo đó, diện tích đất sử dụng của gia đình bà N là 545,12m<sup>2</sup>; diện tích đất nằm trong chỉ giới GPMB là 200,08m<sup>2</sup>; diện tích đất còn lại nằm ngoài chỉ giới GPMB là 345,05m<sup>2</sup>. Bà N đã được nhận tiền đền bù GPMB là 731.276.690 đồng và đã chia một nửa cho Ông L khi Ông L còn sống. Sau đó, để thực hiện thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với mảnh đất nêu trên, bà N đã thực hiện việc đo đạc lại. Theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 21/7/2017 do Công ty CP Tư vấn đo đạc địa chính thực hiện thể hiện diện tích đất là 335m<sup>2</sup>. Hiện, trên thửa đất có 02 nhà ở trên và 02 nhà ở dưới do bà N cho xây dựng từ năm 2006. Bà N đang trực tiếp quản lý, sử dụng, không cho cá nhân

hay tổ chức nào thuê. Đối với diện tích đất đang sử dụng, bà N chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do mảnh đất hiện tại đang có tranh chấp.

Về di chúc của ông L :

- Ngày 28/4/2016, Ông L lập Giấy ủy quyền thay di chúc do bà N viết hộ ông L . Nội dung di chúc thể hiện toàn bộ tài sản, nhà cửa, thân xác của Ông L để lại cho bà Nguyệt, tuy nhiên, Ông L không nói rõ thông tin cụ thể về “toàn bộ tài sản, nhà cửa của ông L ” để lại cho bà Nguyệt. Việc lập di chúc có người làm chứng là bà Phương Thị Lý (là Tổ trưởng tổ dân phố tổ 21); ông Trịnh Xuân Khải (là Trưởng ban công tác mặt trận cụm 3); anh Lê Thành N (là con trai nuôi của bà và ông L ) và anh Lê Văn Huỳnh (cháu ruột của ông L ). Sau khi viết xong, hôm sau bà N ra UBND phường X để xác nhận chữ kí và nội dung trình bày của di chúc do Ông L lập.

- Đối với Bản di chúc của ông Lê Hồng L vào ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội: Bà N không được biết nội dung di chúc này và không chấp nhận nội dung di chúc này. Bà N không công nhận Sơ đồ thửa đất có nội dung thể hiện thửa đất được chia làm hai thửa cho Ông L và bà N do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án trong đó có chữ ký tên bà Lê Thị Nguyệt. Bà N cho rằng chữ kí trong văn bản không phải chữ kí của bà Nguyệt.

Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyệt, anh Nam và ông Huy T ý kiến không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn do mảnh đất tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội có nguồn gốc là của bà Nguyệt, do bà N tôn tạo, quản lý và sử dụng. Bà N là người đóng thuế đất nông nghiệp hàng năm. Ông L do kết hôn với bà N nên mới sinh sống tại mảnh đất nêu trên. Tuy nhiên, do điều kiện công tác, Ông L cũng thường xuyên không có mặt tại nhà nên không có công sức gì đối với mảnh đất này. Do vậy, Ông L không có quyền định đoạt đối với mảnh đất nêu trên. Đề nghị Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra bà Nguyệt, anh Nam xác nhận Ông L không có tài sản nào khác yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế.

Quá trình giải quyết vụ án, Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội cung cấp:

Ông Lê Hồng L có đề nghị Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội lập và làm chứng đối với di chúc của ông theo phiếu yêu cầu làm chứng của Luật sư ngày 02/02/2016. Di chúc của Ông L được lập ngày 03/02/2016 bằng văn bản, Ông L hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt khi lập di chúc và hoàn toàn không bị lừa dối, ép buộc. Việc lập di chúc có 03 người làm chứng. Những người làm chứng đối với di chúc không có mối quan hệ huyết thống, nuôi dưỡng nào đối với ông L . Bản di chúc nêu trên được nhân viên của Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội đánh máy lại theo ý chí của ông L , Ông L đã ký tên vào các trang 2,3,4 của di chúc. Đối với trang 1 và trang 5 thì không có nội dung phản ánh ý chí của Ông L nên Ông L không ký.

Người làm chứng là bà Đoàn Hồng Hạnh xác nhận nội dung trình bày của Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội là đúng.

Ngoài ra, Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội và bà Đoàn Hồng Hạnh đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

**Bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DSST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân quận T đã Xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị Hoa.

2. Tuyên bố Bản di chúc của ông Lê Hồng L (sinh năm: 1956, chết năm: 2016; HKTT: Tổ 21, cụm 3, phường X, quận T, thành phố Hà Nội) lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội là hợp pháp.

3. Về yêu cầu chia thừa kế:

- Về thời hiệu thừa kế: Xác định ông Lê Hồng L chết ngày 19/5/2016. Ngày 07/8/2018, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

- Thời điểm di chúc có hiệu lực: Ông Lê Hồng L chết ngày 19/5/2016 là ngày mở thừa kế nên thời điểm di chúc của Ông L có hiệu lực tính từ ngày 19/5/2016

- Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Hồng L gồm có: Ông Lê Văn H – sinh năm: 1960; Ông Lê Văn D – sinh năm: 1966; Bà Lê Thị H – sinh năm: 1973 và Bà Lê Thị H1 – sinh năm: 1964.

- Di sản thừa kế của ông Lê Hồng L là: Diện tích đất 167,8m<sup>2</sup> và các tài sản trên đất (được giới hạn bởi các điểm 7, 2, 3, 6 theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 27/9/2019) tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội.

\* **Chia bằng giá trị di sản:** Ông Lê Văn Hồng; Ông Lê Văn Duẩn; Bà Lê Thị H và Bà Lê Thị Hoa, mỗi người được nhận 01 kỷ phần có giá trị: 3.356.000.000 đồng (ba tỉ ba trăm năm mươi sáu triệu đồng).

\* **Chia bằng hiện vật:**

Chia cho ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 được đồng sử dụng diện tích đất 167,8m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. (diện tích được giới hạn bởi các điểm 7, 2, 3, 6 theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 27/9/2019 kèm theo bản án)

Ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 có quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được đồng sử dụng theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

Khi ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được đồng sử dụng theo đúng quy định của pháp luật thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên mảnh đất có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán số tiền công sức xây dựng, tôn tạo cho bà Lê Thị N số tiền là: 225.015.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

Bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo đối với các đương sự. Không đồng ý với Quyết định của bản án sơ thẩm bị đơn bà Lê Thị Nguyệt kháng cáo.

**Tại phiên tòa phúc thẩm:**

Bị đơn bà Lê Thị N giữ nguyên kháng cáo, đề nghị không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên

đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nam cùng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị đơn, sửa án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn cùng đề nghị: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm:***

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật và việc chấp hành pháp luật của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận kháng cáo của bị đơn, căn cứ khoản 3 Điều 308 BLTTDS hủy bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1]. Đơn kháng cáo của bà Lê Thị N trong hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí nên kháng cáo được coi là hợp lệ về hình thức.

[2]. Bản án sơ thẩm xác định về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết là phù hợp với quy định của Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a, điểm c khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3]. Bị đơn bà Lê Thị N kháng cáo cho rằng nguồn gốc đất tại số 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội do UBND huyện Từ Liêm cấp cho bà Nguyệt, không liên quan đến ông L. Quá trình sử dụng bà N còn được cấp thêm diện tích đất canh tác và mua lại của bà Xạ, công sức tôn tạo xây dựng nhà cửa đều do bà N thực hiện. Do đó toàn bộ khối tài sản đều là của riêng bà Nguyệt. Tại thời điểm ly hôn năm 2001, ông bà cũng không thỏa thuận chia nhà đất.

Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác minh tại UBND phường X và UBND quận T thì nguồn gốc thửa đất tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội được xác định như sau:

- Ngày 26/4/1989, UBND huyện Từ Liêm cấp Giấy sử dụng đất số 478.QĐ/UB ngày 26/4/1989, nội dung: Giao cho bà Lê Minh Nguyệt (Quyết định bị sai tên đệm) quyền sử dụng thửa đất số 1, xứ đồng ươm cây, xã X, diện tích 160m<sup>2</sup>, mục đích sử dụng: làm nhà ở.

- Hợp tác xã giao đất cho gia đình sử dụng và nộp thuế 240m<sup>2</sup> là đất canh tác. Gia đình bà N đóng thuế đất nông nghiệp từ năm 1993 đến năm 2002.

- Ngày 13/5/1987, bà N mua của bà Nguyễn Thị Xạ 107m<sup>2</sup> đất liền kề phía sau (giấy tờ viết tay)

- Bản đồ năm 1994, tờ bản đồ số 19, thửa đất số 08 thể hiện tổng diện tích là 451 m<sup>2</sup> đất ở (đo bao gồm cả diện tích đất nông nghiệp gia đình bà N được giao).

- Thửa đất nằm trong quy hoạch đất ở làng xóm theo Quyết định số 4177/QĐ-UBND ngày 8/8/2014 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo quyết định số 373/QĐ-UBND ngày 25/8/2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội giải quyết đơn của bà Lê Hồng Nguyệt, ông Lê Hồng L ở số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội có nội dung như sau: “Năm 1988, gia đình bà Lê Thị N được UBND huyện Từ Liêm giao 160m<sup>2</sup> đất ở, khi thực hiện giải phóng mặt bằng, tổng diện tích ông L, bà N sử dụng là 545,12m<sup>2</sup>; diện tích đất thu hồi là 200,08m<sup>2</sup>; diện tích còn lại là 345,04m<sup>2</sup>”.

Tại Quyết định số 1053 ngày 03/12/2008 của UBND quận T v/v phê duyệt phương án đền bù GPMB đối với nhà đất tại số nhà 505, đường Lạc Long Q có nội dung: “Phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ GPMB đối với hộ gia đình bà Lê Thị Nguyệt, chồng là ông Lê Hồng L”

Bà N thừa nhận khi nhà nước giải phóng mặt bằng đã được nhận số tiền đền bù là 731.276.690đ (bảy trăm ba mươi một triệu, hai trăm bảy mươi sáu nghìn, sáu trăm chín mươi đồng), bà đã chia một nửa cho ông Lê Hồng L.

Bà N cho rằng trong số diện tích đất còn lại sau khi giải phóng mặt bằng chưa xác định được đâu là đất ở, đâu là đất canh tác, diện tích đất đang tranh chấp chưa làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận.. Mặc dù sau khi ly hôn, ông bà chia thửa đất làm hai khu nhà riêng biệt nhưng vẫn ăn chung.

Nhưng tài liệu do UBND phường X cung cấp thể hiện: Ông L, bà N có làm đơn kê khai nhà ở và đất ở đối với nhà đất tại thửa đất số 08, bản đồ số 19 diện tích là 451 m<sup>2</sup> đề ngày 02/6/1998 và nộp tại UBND phường.

Theo hồ sơ thụ lý số 50/DSLH ngày 16/5/2001 của TAND quận T giữa ông Lê Hồng L và bà Lê Thị N thể hiện như sau: Biên bản đối chất ngày 17/5/2001 tại Tòa án nhân dân quận T thể hiện lời khai của bà Lê Thị Nguyệt, ông Lê Hồng L về phần nhà ở tại 505 Lạc Long Q: “*Hiện nay chúng tôi có một diện tích nhà tầm 66m<sup>2</sup> nằm trong diện tích 160m<sup>2</sup> đất giãn dân (đã trừ phần đất lưu không). Nếu tính tổng diện tích cả đất là 451 m<sup>2</sup> nằm trong trích lục bản đồ của phường, bề ngang 12m, chúng tôi thỏa thuận chia đôi không ai phải thanh toán công sức cho nhau*”; Biên bản hòa giải ngày 17/5/2001 thể hiện: “*Về nhà ở: Hai bên tự thỏa thuận nhà 505 Lạc Long Q*” và Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 24/QĐTTLH ngày 11/6/2001 của TAND quận T cũng thể hiện về phần bất động sản Ông L và bà N “*Đã tự giải quyết xong, không yêu cầu Tòa án can thiệp*”.

Theo Giấy công nhận kết hôn số 4TL, ngày 23/9/1983 của UBND xã X thể hiện ông Lê Hồng L và bà Lê Thị N đăng ký kết hôn vào ngày 23/9/1983 tại UBND xã X, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội nên căn cứ Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959 thì “*Vợ và chồng đều có quyền sở hữu, hưởng thụ và sử dụng ngang nhau đối với tài sản có trước và sau khi cưới*”. Ủy ban nhân dân quận T, UBND phường X đều có công văn xác nhận phần diện tích thửa đất nêu trên được hình thành sau khi Ông L và bà N đăng ký kết hôn. Năm 2001, do mâu thuẫn nên ông bà đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, tự thỏa thuận phân chia về tài sản là bất động sản. Quá trình quản lý sử dụng, ông bà đã tự phân chia nhà đất làm hai phần riêng biệt, có chữ ký xác nhận của bà Nguyệt, có sự chứng kiến của đại diện tổ dân phố. Do đó Ông L có quyền sở hữu, quản lý, sử dụng một nửa nhà đất. Mặt khác văn bản sơ đồ nhà đất phân chia làm hai thửa có chữ ký và chữ viết tên Lê Thị Nguyệt. Bà N cho rằng không phải do bà viết, tuy nhiên bà không yêu cầu giám định tài liệu này. Ngoài ra bà Nguyệt, anh Nam không có yêu cầu gì khác, nộp bổ

sung tài liệu là các văn bản xác nhận công sức bà tôn tạo xây dựng toàn bộ nhà đất tại số nhà 505, đường Lạc Long Q từ năm 1989 đến năm 2006.

Người làm chứng bà Phương Thị Lý – Tổ trưởng tổ dân phố số 21, cụm 3, phường X, quận T, thành phố Hà Nội và ông Trịnh Xuân Khải – Trưởng ban công tác mặt trận cụm 3, phường X, quận T, thành phố Hà Nội đều trình bày lời khai tại Tòa án có biết và có chứng kiến việc Ông L và bà N thỏa thuận với nhau về việc phân chia thửa đất nêu trên giữa hai ông bà. Bà Lý xác nhận phần diện tích thửa đất hai bên thỏa thuận chia giống với phần diện tích như trong Sơ đồ thửa đất có chữ kí, chữ viết của bà Nguyệt.

Bản án sơ thẩm đã xác định thửa đất có diện tích 451 m<sup>2</sup> đất ở tại thửa đất số 08, tờ bản đồ số 19 lập năm 1994, địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội là tài sản chung của ông Lê Hồng L và bà Lê Thị N và đã được phân chia quyền sở hữu, sử dụng sau khi ông bà ly hôn là có căn cứ.

Kháng cáo nêu trên của bà Lê Thị N là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn giao nộp cho Tòa án Bản di chúc của ông Lê Hồng L lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội; bị đơn giao nộp cho Tòa án Giấy ủy quyền thay di chúc lập ngày 28/4/2016.

Bị đơn bà N kháng cáo cho rằng Ông L tự ý lập di chúc ngày 03/02/2016 để lại di sản thừa kế là nhà đất thuộc quyền quản lý sử dụng hợp pháp của bà, chỉ căn cứ vào sơ đồ chia đất tự đo vẽ rồi làm di chúc tại Văn phòng luật sư Nam Hà Nội, di chúc không tự tay viết mà đánh máy, không ký giáp lai đầu và trang cuối phần xác nhận của luật sư và luật sư xác nhận vào di chúc là vi phạm pháp luật. Vì vậy bà không đồng ý thực hiện di chúc ngày 03/02/2016 và không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

Bà Lê Thị N cho rằng Ông L đã lập Giấy ủy quyền thay di chúc ngày 28/4/2016, có nội dung thể hiện ý chí của Ông L để lại mọi tài sản gồm đất cát, nhà cửa và thân xác thuộc bà Lê Thị N cai quản và giải quyết mọi vấn đề với chính quyền địa phương. Mặc dù di chúc do bà N viết nhưng trên ý nguyện của ông L, phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Xét, Bản di chúc của ông Lê Hồng L lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội có hình thức di chúc được lập bằng hình thức văn bản, có người làm chứng. Nội dung Bản di chúc của ông Lê Hồng L có đầy đủ thông tin về thời điểm lập di chúc; Thông tin về người lập di chúc; Thông tin những người được hưởng di sản là 04 (bốn) người em ruột là ông Lê Văn Duẩn, ông Lê Văn Hồng, bà Lê Thị H và bà Lê Thị Hoa; Thông tin về di sản thừa kế của Ông L là một phần thửa đất có diện tích 170,9m<sup>2</sup> (số đo thực tế là 167,8m<sup>2</sup>) tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội.

Phù hợp với lời khai các đương sự, cung cấp của Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội thể hiện: *“Tại thời điểm lập di chúc, ông Lê Hồng L có đầy đủ năng lực hành vi dân sự phù hợp theo quy định của pháp luật. Những nội dung quyết định, định đoạt của Ông L hoàn toàn do ông tự nguyện thực hiện. Trước khi ký và điểm*



chỉ, ông Lê Hồng L đã tự đọc lại nguyên văn bản Di chúc, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Di chúc”.

Đối với Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 05/02/2010 và Sơ đồ thửa đất có xác nhận của bà N do nguyên đơn giao nộp thể hiện Ông L và bà N đã thuê Công ty CP Tư vấn dịch vụ trắc địa và thương mại đo đạc tài sản chung là phần diện tích 345,04m<sup>2</sup> tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Sau đó, Ông L và bà N thỏa thuận phân chia Ông L được hưởng phần diện tích đất 170,9m<sup>2</sup>.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, tại phiên họp giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các đương sự đã có lời khai và sao chụp toàn bộ tài liệu chứng cứ. Bà N và người đại diện theo ủy quyền là ông Huy đều trình bày không công nhận Sơ đồ thửa đất và khẳng định toàn bộ chữ kí, chữ viết trong Sơ đồ thửa đất không phải của bà Nguyệt. Tuy nhiên, các đương sự trong vụ án đều không yêu cầu giám định chữ viết, chữ kí có trong tài liệu nêu trên và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, tại phiên tòa bị đơn vẫn giữ nguyên quan điểm. Do vậy, HĐXX không có căn cứ để xem xét ý kiến của bà Lê Thị N và ông Cồ Lê Huy về việc không chấp nhận tài liệu chứng cứ là Sơ đồ thửa đất do nguyên đơn giao nộp.

Theo Bản di chúc của ông Lê Hồng L lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội, Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 05/02/2010 và Sơ đồ thửa đất do nguyên đơn giao nộp, ông Lê Hồng L xác định phần thửa đất là di sản thừa kế có diện tích là 170,9m<sup>2</sup>.

Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và Công ty CP Khảo sát địa chính và đo đạc bản đồ Hà Nội đối với thửa đất tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội, đo đạc thực tế là 167,8m<sup>2</sup> ( chênh lệch so với diện tích 170,9m<sup>2</sup> đất ghi trong Bản di chúc của ông L ). Căn cứ theo Sơ đồ thửa đất có xác nhận của bà N (để xác định phần vị trí diện tích thửa đất là di sản thừa kế của ông L ) và Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 27/9/2019 (để xác định chính xác diện tích thửa đất là di sản thừa kế của ông L ), phần diện tích thửa đất là di sản thừa kế của ông Lê Hồng L được giới hạn bởi các điểm 7, 2, 3, 6 và có diện tích là: 40,9m<sup>2</sup> (phần giới hạn bởi các điểm 7, 14, 5, 6) + 45m<sup>2</sup> (phần giới hạn bởi các điểm 14, 12, 4, 5) + 81,9m<sup>2</sup> (phần giới hạn bởi các điểm 12, 2, 3, 4) = 167,8m<sup>2</sup>. Các đương sự cũng đều có ý kiến đồng ý với Hồ sơ kỹ thuật thửa đất của Công ty CP Khảo sát địa chính và đo đạc bản đồ Hà Nội ngày 27/9/2019 đo đạc đối với mảnh đất nêu trên. Vì vậy, cấp sơ thẩm xác định diện tích thửa đất là di sản thừa kế của Ông L là 167,8m<sup>2</sup> là phù hợp.

Bản án sơ thẩm xác định Bản di chúc của ông Lê Hồng L lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 627, Điều 628, Điều 630 và Điều 631 của Bộ luật dân sự năm 2015 và tuyên bố bản di chúc nêu trên hợp pháp là đúng quy định của pháp luật.

[5]. Đối với Giấy ủy quyền thay di chúc lập ngày 28/4/2016 do bà Lê Thị N xuất trình.

Bà N cho rằng Ông L đã lập Giấy ủy quyền thay di chúc ngày 28/4/2016, có nội dung thể hiện ý chí của Ông L để lại mọi tài sản gồm đất cát, nhà cửa và thân xác thuộc bà Lê Thị N cai quản và giải quyết mọi vấn đề với chính quyền địa

phương. Hình thức văn bản này có người làm chứng, có xác nhận của Chủ tịch ủy ban nhân dân phường phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 nên đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận.

Xét, Giấy ủy quyền thay di chúc lập ngày 28/4/2016 có hình thức lập thành văn bản, có chữ ký của ông Lê Hồng L, anh Lê Thành Nam, anh Lê Văn Huỳnh, bà Phương Thị Lý – tổ trưởng, ông Trịnh Xuân Khải – Trưởng ban công tác mặt trận cụm 3 và chữ ký của ông Trần Bá Viêm – Chủ tịch phường xác nhận ngày 29/4/2016. Có nội dung “*mọi tài sản gồm đất cát, nhà cửa và thân xác tôi thuộc cho cô Lê Thị N cai quản và giải quyết mọi vấn đề với chính quyền địa phương*”.

Bị đơn bà N thừa nhận là người viết Giấy ủy quyền thay di chúc lập ngày 28/4/2016 và Ông L không nói rõ cụ thể di sản thừa kế là nhà cửa, tài sản nào. Ông Trịnh Xuân Khải – Trưởng ban công tác mặt trận cụm 3, anh Lê Văn Huỳnh là cháu Ông L cũng không biết rõ di sản của Ông L được trình bày trong nội dung Giấy ủy quyền thay di chúc. Như vậy, về nội dung, di chúc không thể hiện rõ phần di sản thừa kế của Ông L bao gồm “*mọi tài sản gồm đất cát, nhà cửa và thân xác tôi thuộc cho cô Lê Thị N cai quản và giải quyết mọi vấn đề với chính quyền địa phương*” là tài sản nào, có đặc điểm, thông tin cụ thể ra sao.

Bản án sơ thẩm nhận định Giấy ủy quyền thay di chúc lập ngày 28/4/2016 chưa cung cấp đầy đủ thông tin về di sản thừa kế của Ông L nên không đủ căn cứ để xem xét là phù hợp với quy định tại điểm d, khoản 1, Điều 631 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Từ những nhận định nêu trên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Nguyệt.

Mặc dù thời điểm Ông L lập hai di chúc nêu trên trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, tuy nhiên đối chiếu với các qui định các Điều 652, Điều 649, Điều 650 Bộ luật dân sự năm 2005 so với các Điều 627, Điều 628, Điều 631 Bộ luật dân sự năm 2015 là không khác nhau, không ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, HĐXX áp dụng Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết vụ án.

[6]. Như đã phân tích nêu trên, cấp sơ thẩm đã tuyên bố Bản di chúc của ông Lê Hồng L (sinh năm: 1956, chết ngày 19/5/2016) lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội là hợp pháp. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 là có căn cứ nên giữ nguyên nội dung này, cụ thể như sau:

[6.1] Về hàng thừa kế: Ông Lê Hồng L kết hôn với bà Lê Thị N vào ngày 23/9/1983 tại UBND xã X, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội. Ông L và bà N không có con đẻ, chỉ có con nuôi là anh Lê Thành N – sinh năm: 1995. Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 24/QĐTTLH ngày 11/6/2001 của TAND quận T đối với Ông L và bà Nguyệt.

Theo Trích lục khai tử số 182/TLKT-BS ngày 19/5/2016 do UBND phường X cấp thì Ông L chết ngày 19/5/2016. Ông L lập di chúc vào ngày 03/02/2016, thời điểm đó Ông L và bà N đã ly hôn; anh Lê Thành N không thuộc trường hợp “*con chưa thành niên*” hoặc “*con thành niên mà không có khả năng lao động*”. Bà Lê Thị N và anh Lê Thành N không thuộc trường hợp người thừa kế không phụ thuộc vào nội dung di chúc theo Điều 644 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.2]. Về quan hệ huyết thống trong gia đình ông Lê Hồng L: Ông L có bố là cụ Lê Văn Y và mẹ là cụ Trịnh Thị Niêm. Theo Trích lục khai tử số 386/TLKT-BS ngày 01/8/2018 của UBND xã C, huyện X, tỉnh H thì cụ Lê Văn Y chết ngày 13/4/1993. Theo Trích lục khai tử số 378/TLKT-BS ngày 30/7/2018 của UBND xã C, huyện X, tỉnh H thì cụ Trịnh Thị N chết ngày 16/12/2004.

Theo bản di chúc của ông Lê Hồng L vào ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội thì những người được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Hồng L gồm có: Ông Lê Văn H – sinh năm: 1960; Ông Lê Văn D – sinh năm: 1966; Bà Lê Thị H – sinh năm: 1973 và Bà Lê Thị H1 – sinh năm: 1964.

[6.3]. Về thời hiệu người thừa kế yêu cầu chia di sản: Căn cứ theo khoản 1 Điều 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Di chúc có hiệu lực từ thời điểm mở thừa kế*”. Căn cứ theo khoản 1 Điều 611 của Bộ luật Dân sự năm 2015 thì “*Thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết*”. Ông Lê Hồng L chết ngày 19/5/2016 nên thời điểm di chúc của Ông L có hiệu lực tính từ ngày 19/5/2016.

Ngày 07/8/2018, nguyên đơn yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Hồng L là trong thời hiệu khởi kiện theo Điều 623 BLDS năm 2015.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn theo Bản di chúc của ông Lê Hồng L lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội là phù hợp với quy định của các Điều 624, Điều 625, Điều 626 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[6.4]. Căn cứ kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, tiến hành đo đạc hiện trạng thửa đất và định giá tài sản năm 2019, 2020 tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. Bà Nguyệt, anh Nam và các đương sự không có thắc mắc, khiếu nại về kết quả thẩm định, định giá. Xác định di sản thừa kế của ông Lê Hồng L gồm:

- Diện tích đất 167,8m<sup>2</sup>, giá trị quyền sử dụng đất là: 167,8m<sup>2</sup> x 80.000.000 đồng = 13.424.000.000 đồng;

- Trên đất có: 01 nhà lợp tôn diện tích 40,9m<sup>2</sup> có giá trị là: 40,9m<sup>2</sup> x 1.725.000 đồng = 70.552.500 đồng; 01 nhà lợp tôn diện tích 81,9m<sup>2</sup> có giá trị là: 81,9m<sup>2</sup> x 1.725.000 đồng = 141.277.500 đồng; 01 sân bê tông diện tích 45m<sup>2</sup> có giá trị là: 45m<sup>2</sup> x 293.000 đồng = 13.185.000 đồng; Bà N khai xây dựng từ năm 1986 đến năm 2006, xây dựng, sửa chữa các công trình trên phần diện tích đất của Ông L từ năm 1989.

Tổng giá trị diện tích đất 167,8m<sup>2</sup> và tài sản trên đất là: 13.649.015.000 đồng (mười ba tỉ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

Công an phường X cung cấp: Bà N và anh Nam thường xuyên sinh sống tại địa chỉ nêu trên, ngoài ra bà N có cho thuê một phần diện tích nhà đất nêu trên. Bà N giao nộp tài liệu chứng cứ và trình bày lời khai như sau: Trước đây, bà Lê Thị N có kí Hợp đồng thuê nhà tại địa chỉ nêu trên với ông Mai Anh Tuấn và bà Trần Thị Lư vào tháng 11 năm 2018. Theo đó, thời hạn cho thuê nhà từ ngày 01/10/2018 đến ngày 01/10/2019.

Ông Tuấn có trình bày “*không có ý kiến hay yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì*” và “*xin phép được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc, hòa giải hoặc xét tại Tòa án*”.

Tại cấp sơ thẩm bà Nguyệt, anh Nam thừa nhận đến nay tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội có bà Lê Thị N và anh Lê Thành N đang ăn ở sinh sống thường xuyên; ngoài ra không có ai sinh sống thường xuyên và đăng kí tạm trú tại địa chỉ nêu trên. Đối với Hợp đồng thuê nhà giữa bà N và ông Tuấn đến thời điểm xét xử đã hết hợp đồng, ông Tuấn cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì, cấp sơ thẩm không xác định ông Mai Anh Tuấn và bà Trần Thị Lư là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án này là phù hợp với quy định của pháp luật.

[6.5]. Chia di sản thừa kế của ông Lê Hồng L bằng tiền cho 04 kỹ phần là ông Lê Văn Hồng; Ông Lê Văn Duẩn; Bà Lê Thị H và Bà Lê Thị Hoa, cụ thể:

Giá trị quyền sử dụng 167,8m<sup>2</sup> đất là 13.424.000.000 đồng : 4 = 3.356.000.000 đồng.

Ông Lê Văn Hồng; Ông Lê Văn Duẩn; Bà Lê Thị H và Bà Lê Thị Hoa, mỗi người được nhận 01 kỹ phần có giá trị: 3.356.000.000 đồng.

Xem xét công sức xây dựng, tôn tạo của bị đơn bà N được hưởng đối với: 01 nhà lợp tôn diện tích 40,9m<sup>2</sup> có giá trị là 70.552.500 đồng; 01 nhà lợp tôn diện tích 81,9m<sup>2</sup> có giá trị là: 141.277.500 đồng; 01 sân bê tông diện tích 45m<sup>2</sup> có giá trị là: 13.185.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bà N được hưởng là 70.552.500 đồng + 141.277.500 đồng + 13.185.000 đồng = 225.015.000 đồng

[6.6]. Chia bằng hiện vật: Đồng Nguyên đơn cùng đề nghị được nhận chung di sản thừa kế bằng hiện vật, cùng thửa đất. Tự thỏa thuận, phân chia với nhau diện tích thửa đất được hưởng thừa kế, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Yêu cầu của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với Bản di chúc của ông L, không trái quy định của pháp luật nên Bản án sơ thẩm đã chia cho ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 cùng quản lý, sử dụng diện tích đất 167,8m<sup>2</sup> và các tài sản trên đất tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội là phù hợp.

Ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán công sức tôn tạo, sửa chữa, xây dựng đối với di sản thừa kế của Ông L cho bà Lê Thị N với số tiền là: 225.015.000 đồng.

Các đồng nguyên đơn có quyền kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được chia theo đúng quy định của pháp luật.

[7]. Quan điểm của đại diện VKSNDTP Hà Nội phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Ông Lê Văn H – sinh năm: 1960 là người cao tuổi; Bà Lê Thị N – sinh ngày 04/8/1963 có đơn xin miễn nộp án phí, có xác nhận của chính quyền địa phương nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật. Ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị Huệ; bà Lê Thị H1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm, ông Lê Văn Duẩn, bà Lê Thị Huệ, bà Lê Thị H1 cùng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với kỹ phần thừa kế được hưởng chung và nghĩa vụ thanh toán đối với giá trị công trình trên đất. Do đó, Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm về án phí và cách tuyên.

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ vào:*

- Khoản 2 Điều 368 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;  
- Điều 611, Điều 616, Điều 618, Điều 623, Điều 624, Điều 625, Điều 626, Điều 627, Điều 628, Điều 630, Điều 631, Điều 632, Điều 634, Điều 635 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 15 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1959;  
- Điều 2 Luật Người cao tuổi; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

**Xử:** Không chấp nhận kháng cáo của bà Lê Thị Nguyệt. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 19/2022/DSST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân quận T và Quyết định như sau:

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị Hoa.

[2]. Tuyên bố Bản di chúc của ông Lê Hồng L (sinh năm: 1956, chết năm: 2016; HKTT: Tổ 21, cụm 3, phường X, quận T, thành phố Hà Nội) lập ngày 03/02/2016 tại Văn phòng Luật sư Nam Hà Nội là hợp pháp.

[3]. Về yêu cầu chia thừa kế:

- Về thời hiệu thừa kế: Xác định ông Lê Hồng L chết ngày 19/5/2016. Ngày 07/8/2018, nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu chia thừa kế. Theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2015, yêu cầu chia thừa kế của nguyên đơn còn thời hiệu khởi kiện.

- Thời điểm di chúc có hiệu lực: Ông Lê Hồng L chết ngày 19/5/2016 là ngày mở thừa kế nên thời điểm di chúc của Ông L có hiệu lực tính từ ngày 19/5/2016

- Những người được hưởng di sản thừa kế của ông Lê Hồng L gồm có: Ông Lê Văn H – sinh năm: 1960; Ông Lê Văn D – sinh năm: 1966; Bà Lê Thị H – sinh năm: 1973 và Bà Lê Thị H1 – sinh năm: 1964.

- Di sản thừa kế của ông Lê Hồng L là: Diện tích đất 167,8m<sup>2</sup>, giá trị quyền sử dụng đất là: 167,8m<sup>2</sup> x 80.000.000 đồng = 13.424.000.000 đồng tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. (được giới hạn bởi các điểm 7, 2, 3, 6 theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 27/9/2019).

[3.1]. Chia giá trị di sản bằng tiền cho ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị Hoa, mỗi người được nhận 01 kỷ phần có giá trị: 3.356.000.000 đồng (ba tỉ ba trăm năm mươi sáu triệu đồng).

[3.2]. Chia bằng hiện vật:

Chia cho ông Lê Văn Hồng, ông Lê Văn Duẩn, bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 được đồng quản lý, sử dụng diện tích đất 167,8m<sup>2</sup> và các tài sản gắn liền trên đất tại địa chỉ: Số nhà 505, đường Lạc Long Q, phường X, quận T, thành phố Hà Nội. (diện tích được giới hạn bởi các điểm 7, 2, 3, 6 theo Hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 27/9/2019 kèm theo bản án)

[3.3]. Ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 phải có trách nhiệm thanh toán công sức tôn tạo, sửa chữa, xây dựng đối với di sản thừa kế của Ông L cho bà Lê Thị N với số tiền là: 225.015.000 đồng (hai trăm hai mươi lăm triệu, không trăm mười lăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một

khoản tiền lãi theo quy định của Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Đối với người được giao quyền sử dụng, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại phần quyết định của bản án này có quyền, nghĩa vụ chủ động đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kê khai quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; Đề nghị cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản đối với diện tích đất hoặc điều chỉnh lại tên chủ sử dụng đất được ( giao) chia theo quyết định của bản án và theo quy định của pháp luật.

Khi ông Lê Văn Hồng; ông Lê Văn Duẩn; bà Lê Thị H và bà Lê Thị H1 làm thủ tục kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với phần diện tích được đồng sử dụng theo đúng quy định của pháp luật thì các tổ chức, cá nhân đang kinh doanh, sinh sống, sinh hoạt dưới mọi hình thức trên mảnh đất có nghĩa vụ chuyển đi nơi khác để thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận việc thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

[4]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn Hồng, bà Lê Thị N được miễn án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Hoàn trả ông Lê Văn H số tiền 37.350.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2012/06823 ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Hà Nội.

Ông Lê Văn Duẩn, bà Lê Thị H và bà Lê Thị Hoa, mỗi người phải chịu 30.412.000 đồng (Ba mươi triệu bốn trăm mười hai nghìn) án phí dân sự. Được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 37.350.000 đồng theo các biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2012/06821, AA/2012/06822, AA/2012/06824 cùng ngày 19/12/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Hà Nội.

- Án phí dân sự phúc thẩm:

Bà N không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại bà N 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng số AA/2020/0032936 ngày 15/9/2022 của Chi cục thi hành án dân sự quận T, Hà Nội.

Bản án phúc thẩm xét xử công khai và có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSNDTP Hà Nội;
- TAND quận T;
- CCTHADS quận T;
- Lưu HSVA,VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Toàn Giang**

